

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 33.004**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 03 /GCN-SXD ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG		
1	Xác định Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023; ASTM C184,C188C C150, C204; AASTHO T128,T133,T155
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ASTM C190,C348,C349; AASTHO T106-11
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; AASHTO T129
THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
4	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
5	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022
6	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
7	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:2022
8	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
9	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
10	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022
11	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
12	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
13	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022
THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẪM (SỎI), CẤP PHỐI		
14	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2 :2006; ASTM C136:06; AASHTO T127
15	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4 :2006; ASTM C127,C128; AASHTO T85
16	Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5 :2006; ASTM C127:12
17	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hông	TCVN 7572-6 :2006; ASTM C29:09
18	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7 :2006; ASTM C566-97
19	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C142-10; AASHTO T112
20	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:2006; ASTM C40-11
21	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10 :2006; ASTM D2938:95
22	XĐ độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572- 11:2006
23	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu	TCVN 7572- 12:2006; ASTM

	lớn trong máy (Los Angeles)	C131,C535; AASHTO T96:02
24	Xác định hàm lượng hạt thô dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; AASHTO T335-09
25	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572- 17:2006
26	Xác định hàm lượng bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
27	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20 :2006
28	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419-91; AASHTO-T176
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
29	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; AASHTO T100-06; ASTM D854-00; ASTM D5550:06
30	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216:10; ASTM D4959:07
31	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89,T90
32	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; ASTM C136-06; AASHTO T93
33	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:1995; ASTM D3090:98
34	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
35	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; 22TCN 333-06; TCVN 12790:2020; ASTM D1557:02; AASHTO T99,T180
36	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D2937:71
37	Xác định tỷ số CBR- Trong phòng thí nghiệm	22 TCN 332:2006; TCVN 12792:2020; AASTHO T193
38	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012 AASHTO-T49; ASTM D2434-00
39	Xác định độ trương nở của đất	TCVN 8719:2012; ASTM D4546-85
THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN		
40	Thử kéo vật liệu kim loại	TCVN 197-1:2018
41	Thử uốn vật liệu kim loại	TCVN 198:2008
42	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử uốn	TCVN 5401: 2010
43	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403: 2010
BÊ TÔNG NHỰA		
44	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
45	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011
46	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
47	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của	TCVN 8860-4:2011

	bê tông nhựa ở trạng thái rời	
48	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011
49	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
50	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
51	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
52	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
53	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
54	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
55	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
56	Xác định phân phối cấp phối bê tông nhựa	TCVN 8820:2011
NHỰA BITUM		
57	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; AASHTO T49:06; ASTM D5-06
58	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; ASTM D113-07; AASHTO T51:09
59	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; AASHTO T53:09; ASTM D36-06
60	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland.	TCVN 4798:2005; AASHTO T48:06; ASTM D92-02
61	Xác định lượng tổn thất sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005
62	Xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer).	TCVN 7501:2005; AASHTO T1228:09; ASTM 70-90
63	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005; AASHTO T182-84; ASTM D3625-05
THÍ NGHIỆM CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA BỘT KHOÁNG		
64	Xác định Thành phần hạt, hàm lượng mất khi nung	22 TCN 58:1984; TCVN 12884-2:2020; AASHTO T27; AASHTO T100
65	Xác định hàm lượng nước, hệ số hao nước, khối lượng thể tích và độ rỗng dự bột khoáng	22 TCN 58:1984; TCVN 12884-2:2020; AASHTO T27; AASHTO T100
66	Xác định Khối lượng riêng của bột khoáng chất	22 TCN 58:1984; TCVN 12884-2:2020; AASHTO T27; AASHTO T100
67	Xác định Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58:1984; TCVN 12884-2:2020; AASHTO T27; AASHTO T100
68	Xác định Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22 TCN 58:1984; TCVN 12884-2:2020; AASHTO T27; AASHTO T100
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
69	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đài	TCVN 12791:2020; ASTM D2937; AASHTO T204

70	Xác định Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:06; TCVN 8730:2012; ASTM D1556:06
71	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
72	Xác định mô đun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4695-96; AASHTO T256:77
73	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965-96
74	Xác định Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950;E1082
75	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012
76	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012
77	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	TCVN 10184:2021 ASTM D2573:94
78	Thí nghiệm CBR – Ngoài hiện trường	TCVN 8821:11
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		
79	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
80	Xác định độ lưu động của vữa tươi (PP bàn dẫn)	TCVN 3121-3:2022
81	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
82	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
83	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022
84	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022
85	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐẤT SÉT NUNG		
86	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
87	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
88	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
89	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
90	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
91	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BLOC BÊ TÔNG		
92	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
93	Xác định cường độ nén	TCVN 6477:2016
94	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016
95	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
96	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
97	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
98	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999
99	Xác định độ rỗng	TCVN 6476:1999

100	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999
THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (AAC)		
101	Thí nghiệm kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Thí nghiệm khối lượng thể tích khô; Thí nghiệm cường độ nén; Thí nghiệm độ co khô	TCVN 7959:2017
THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG BỌT, KHÍ KHÔNG CHUNG ÁP		
102	Thí nghiệm kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Thí nghiệm khối lượng thể tích khô; Thí nghiệm cường độ nén; Thí nghiệm độ co khô; Thí nghiệm độ hút nước	TCVN 9030:2017
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TERRAZO		
103	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền nén, uốn; Xác định độ hút nước; Xác định độ mài mòn bề mặt	TCVN 7744:2013
THỬ NGHIỆM GẠCH ĐÁ ÓPLÁT		
104	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 4732:2016

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng./.